

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 27-12-2024

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thái Hiệp

2. Ông Danh On

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhã Trúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 263/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2024 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2024 và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, ông Huỳnh Văn L là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà Đ cưới nhau vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn nên Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào năm 2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn dù sống chung nhà

nhưng không quan tâm nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông L yêu cầu được ly hôn với bà Đ.

Về quan hệ con chung: Ông L xác định có 02 con chung tên **Huỳnh Anh N, sinh ngày 12/7/2000; Huỳnh Ngọc Á, sinh ngày 19/12/2003** các cháu đã thành niên và có năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình nên khi ly hôn ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Đ: Qua xác minh biết được bà Đ có nơi thường trú tại ấp Đ, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và chị thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Do bà Đ thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà cũng như không lấy được lời khai của bà. Vì vậy, Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Đ theo quy định pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên được tóm tắt như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn thì không; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Sau khi phân tích yêu cầu khởi kiện, những quy định của pháp luật, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Huỳnh Văn L ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ. Về con chung các cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không xem xét giải quyết. Ngoài ra, đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Huỳnh Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ, không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ có nơi đăng ký thường trú tại ấp Đ, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[III] Về các yêu cầu của đương sự:

[1] Xét yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Văn L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Đ, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, bà Đ và ông L phát sinh mâu thuẫn và bà Đ thường xuyên đi khỏi nhà nhiều ngày, vợ chồng không quan tâm chăm sóc yêu thương nhau. Thậm chí hai người đã hai lần viết đơn định ly hôn. Mâu thuẫn kéo dài và không thể hòa giải, hàn gắn tình cảm lại được, nay ông L yêu cầu ly hôn. Điều này cho thấy hôn nhân giữa ông L và bà Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ **khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình** chấp nhận cho ông Huỳnh Văn L ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Đ và ông L có 02 con chung tên **Huỳnh Anh N, sinh ngày 12/7/2000 và Huỳnh Ngọc Á, sinh ngày 19/12/2003**. Các cháu đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình nên ông L, bà Đ không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản: Ông L, bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[5] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn \ "lòng:"Lòng:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.
2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Ông Huỳnh Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007918 ngày 14/10/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay được chuyển thu án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu ;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- **UBND xã Lộc Ninh;**
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Văn Quy